

Bản án số: 38/2020/DS-ST

Ngày: 22/9/2020

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông **Huỳnh Tiến**

+ Ông **Nguyễn Văn Sanh**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Đình Vui** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu – 344 A Lê Thanh Nghị, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2020/TLST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 và thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 45/TB-TA ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thế Th** - sinh năm 1968 và bà **Trần Thị M** - sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Tổ 1, khối phố X, thị trấn Nam Ph, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Th và bà M là: Ông **Phạm Ngọc H** và ông **Nguyễn Viết H** - Cùng địa chỉ: Số 50 Nguyễn Tri P (tầng 2), phường Chính G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy ủy quyền ngày 05/8/2019. Ông H có mặt. Ông H vắng mặt không lý do.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V .Trụ sở: 66 Lê Vĩnh H, Phường Hòa C, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật : Ông **Trần Công L**. Địa chỉ theo đơn khởi kiện: Tổ 110, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ nơi làm việc: Công ty TNHH Vĩnh P. Địa chỉ: 202 Lê Thanh N, phường Hòa C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ nơi cư trú: K18/33 Nguyễn Duy H, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Lê Thị M** - sinh năm 1964. Địa chỉ: 46/16 đường N, Tổ 78 (cũ), tổ 35 (mới) phường Bình H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Hoàng Xuân C.** Địa chỉ: K14/H2/20 Bùi C, phường Hòa K, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt không lý do.

- Ông **Mai Xuân T.** Địa chỉ: Tổ 79, phường M A, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt không lý do.

- Bà **Lê Thị S** - sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 208 đường C, phường Hoà Cường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế Th, bà Trần Thị M và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc H thống nhất trình bày:

Ngày 30/07/2018, ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M có đầu tư, góp vốn vào hệ thống trường mầm non C thể hiện trong Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2018/HĐGVĐT-VĐ ký kết với chủ đầu tư là Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V.

Theo nội dung hợp đồng, tổng số tiền góp vốn là 500.000.000đ và người góp vốn được hưởng lợi nhuận cố định bằng 2,5% trên tổng số tiền góp vốn mỗi tháng. Ông Th và bà M cũng đã hoàn tất nộp số tiền góp vốn nêu trên thể hiện tại Phiếu thu lập ngày 31/07/2018 có đầy đủ chữ ký xác nhận của Thủ quỹ, Kế toán trưởng cũng như Giám đốc công ty.

Thời gian đầu, bên phía Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V thực hiện đúng các thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng, trả đầy đủ các khoản lợi nhuận theo quy định. Tuy nhiên, từ tháng 12/2018 đến hiện nay, Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V không tiếp tục chi trả số tiền lợi nhuận cho ông Th và bà M theo đúng cam kết, vi phạm quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng đã ký kết. Số tiền lợi nhuận mà ông Th và bà M chưa nhận được từ tháng 12/2018 đến ngày hết hạn góp vốn là 31/07/2019 là 08 tháng, tính ra tiền bằng $(2.5\% \times 500.000.000\text{đ}) \times 8 (\text{tháng}) = 100.000.000\text{đ}$.

Tuy nhiên, đối với số tiền lợi nhuận phát sinh, nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính tiền lợi nhuận theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh bằng 1.6%/tháng (thay vì 2.5%/tháng theo quy định trong Hợp đồng). Như vậy, số tiền lợi nhuận mà nguyên đơn yêu cầu tính từ tháng 12/2018 đến ngày hết hạn góp vốn là 31/07/2019 là 08 tháng, tính ra tiền bằng: $(1.6\% \times 500.000.000\text{đ}) \times 12 - (2.5\% \times 500.000.000\text{đ} \times 4) = 46.000.000\text{đ}$.

Đối với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng khi chuyển nhượng vốn góp ông Hoàng Xuân C – là người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty không đề cập đến Hợp đồng góp vốn của ông Th và bà M nên bị đơn không đồng ý trả khoản nợ này cho nguyên đơn. Theo nguyên đơn, nhận định của phía bị đơn là thiếu cơ sở, bởi lẽ ông Th và bà M ký kết Hợp đồng góp vốn với Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V chứ không phải ký kết với cá nhân ông Hoàng Xuân C. Xét tư cách của ông Hoàng Xuân C tại thời điểm ký kết hợp đồng là người đại diện theo pháp luật của Công ty nên có quyền đứng ra giao kết các Hợp đồng, giao dịch liên quan. Giao dịch với ông Th, bà M có giá trị chỉ 500.000.000đ, là số rất nhỏ so với vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm ký kết là 50.000.000.000đ nên không thuộc trường hợp phải

thông qua Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 56 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Việc giao nhận tiền của các bên cũng được giao trực tiếp cho kế toán, thủ quỹ và có phiếu thu xác nhận của Công ty theo đúng trình tự pháp luật.

Như vậy, Hợp đồng góp vốn đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch, phát sinh hiệu lực giữa ông Th, bà M và Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V nên Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết.

Theo quy định tại Điều 51 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì sau khi đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ông Hoàng Xuân C, người nhận chuyển nhượng sẽ trở thành thành viên của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Việc từ chối thực hiện nghĩa vụ của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V thể hiện sự thoái thác nghĩa vụ, đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm.

Đến nay đã hết thời hạn theo Điều 3 của Hợp đồng tuy nhiên Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V vẫn chưa hoàn trả lại số tiền mà ông Th, bà M đã góp vốn và số tiền lợi nhuận theo Hợp đồng mặc dù ông Th và bà M đã nhiều lần yêu cầu, do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Buộc công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M số tiền góp vốn là 500.000.000đ. Đồng thời Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán đầy đủ số tiền lợi nhuận theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2018/HĐGVĐT-VĐ đến tháng 7/2019 là 46.000.000đ. Tổng số tiền mà công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán cho ông Th bà M là 546.000.000đ.

2. Ngoài ra, kể từ ngày 01/08/2019 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/09/2020 (418 ngày), Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V còn phải thanh toán cho ông Th, bà M số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm. Số tiền lãi nêu trên tạm tính bằng: $546.000.000đ \times 418 \times 0.0274\% = 62.534.472đ$.

Tổng số tiền Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán cho ông Th bà M là 608.534.472đ.

- Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị M trình bày: Ông Th và bà M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán cho ông Th, bà M số tiền 608.534.472 đồng là không có sở chấp nhận vì vào ngày 5.9.2018 tức là sau 35 ngày ông C ký hợp tác góp vốn với ông Th và bà M, ông C đã viết Giấy cam kết chuyển nhượng việc điều hành trường mầm non V cho ông Mai Xuân T và ông C cam kết rằng trong thời gian ông làm giám đốc của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V ông C có vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng số tiền 558.000.000đ và Ngân hàng Tiên Phong chi nhánh Bắc Đà Nẵng số tiền 1.000.000.000đ để mua 03 xe ô tô. Như vậy, ông C chỉ xác định trong thời gian ông C làm giám đốc Công ty, ông chỉ vay tiền hai Ngân hàng nêu trên. Ông C hoàn toàn không đề cập gì đến khoản tiền góp vốn của ông Th và bà M. Và ông Th và bà M đầu tư tiền vào trường mầm non C chứ không phải đầu tư vào hệ thống trường của Công ty V. Mặc khác, theo thỏa thuận thì tiền của ông Th bà M phải chuyển vào tài khoản của Công ty, nhưng thực tế thì lại giao bằng tiền mặt cho ông C. Tại bút lục

số 20 trong hồ sơ thể hiện bản thân ông Hoàng Xuân C đã dùng tiền cá nhân và một số nguồn khác để chi trả lợi tức cho ông Th, bà M; còn bà Lê Thị S tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 11/9/2020 đã chấp nhận trả dần 50% số nợ gốc cho ông Th và bà M chứng tỏ số tiền của ông Th và bà M đã được ông C và bà S sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V.

- Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị S vắng mặt, nhưng tại biên bản tự khai ngày 11 tháng 9 năm 2020 bà Lê Thị S trình bày: Ngày 30/07/2018, bà S có làm chứng tham gia ký Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2018/HĐGVĐT-VĐ với số tiền bên ông Nguyễn Thế Th và vợ là bà Trần Thị M góp vốn vào Công ty V 500.000.000đ với lãi suất hàng tháng 2,5%/tháng. Lý do bà S tham gia làm chứng là: Công ty V đang tiến hành các thủ tục và nguồn vốn để mua lại hệ thống trường C. Nội dung này được thể hiện trong mục đích huy động vốn của hợp đồng. Việc sử dụng số tiền trên là việc của Công ty V, bà S không nắm rõ. Bà S khẳng định số tiền trên không sử dụng vào hợp tác giữa C vì giai đoạn đó chưa hoàn tất thủ tục mua bán.

Nay ông Th và bà M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán cho ông Th, bà M cả gốc và lãi là 610.028.400đ. Về phía cá nhân bà S có phần trách nhiệm vì là người làm chứng và ông Th và bà M vì tin tưởng bà S nên mới tham gia hợp đồng này. Về phía cá nhân bà S xin chịu trách nhiệm và đứng ra khắc phục cho ông Th và bà M theo khả năng hiện tại của bà với phương án khắc phục dần hàng tháng và tỷ lệ khắc phục của bà S với số tiền gốc 50%. Bà S xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Bắt đầu từ năm 2021.

Do việc tổng đạt thông báo thụ lý số 173/TB-TLVA ngày 10/10/2019 và các thông báo tố tụng khác cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Xuân C và ông Mai Xuân T theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp không đảm bảo nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đăng Báo Nhân dân 03 ngày liên tiếp 8,9,10/4/2020; thông báo trên Đài phát thanh truyền hình Đà Nẵng trong 03 ngày liên tiếp 9,10,11/4/2020) và cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Hoàng Xuân C và ông Mai Xuân T không đến Tòa án và không có ý kiến bằng văn bản nộp tại Tòa án về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 504, 280, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút là 54.000.000đ.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M. Buộc Công ty TNHH Phát triển Dự án V phải thanh toán cho ông Th, bà M tạm tính đến ngày 30/9/2019 tổng số tiền là: **608.534.472đ**. Trong đó tiền gốc

500.000.000đ, tiền lợi nhuận góp vốn: 46.000.000đ, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 62.534.472đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Hoàng Xuân C, Mai Xuân T và bà Lê Thị S nhưng họ vắng mặt không có lý do. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về xác định quan hệ tranh chấp, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy bản chất của Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2018/HĐGVĐT-VĐ ngày 30/7/2018 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng cho vay tài sản theo đó tại Điều 4 của hợp đồng các bên đều thỏa thuận phía bị đơn trích trả cố định lợi nhuận trên số tiền góp hàng tháng cho nguyên đơn mà không phụ thuộc vào bị đơn hoạt động lỗ hay lời, nguyên đơn góp vốn kinh doanh không nhằm mục đích trở thành cổ đông của Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2]Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 22/9/2020 tổng số tiền là 608.534.472 đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 108.534.472đ. Còn đại diện bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng sau 35 ngày ông C ký hợp tác góp vốn với ông Th và bà M, ông C đã viết Giấy cam kết chuyển nhượng việc điều hành trường mầm non Việt Đức cho ông Mai Xuân T và ông C cam kết rằng trong thời gian ông làm giám đốc của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án Vông C có vay của ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng số tiền 558.000.000đ và ngân hàng Tiên Phong chi nhánh Bắc Đà Nẵng số tiền 1.000.000.000đ để mua 03 xe ô tô. Như vậy, ông C chỉ xác định trong thời gian ông C làm Giám đốc Công ty ông chỉ vay tiền hai ngân hàng nêu trên. Ông C hoàn toàn không đề cập gì đến khoản tiền góp vốn của ông Th và bà M. Và ông Th và bà M đầu tư tiền vào trường mầm non C chứ không phải đầu tư vào hệ thống trường của Công ty Việt Đức. Mặc khác, theo thỏa thuận thì tiền của ông Th bà M phải chuyển vào tài khoản của Công ty, nhưng thực tế thì lại giao bằng tiền mặt cho ông C. Tại bút lục số 20 trong hồ sơ thể hiện bản thân ông Hoàng Xuân C đã dùng tiền cá nhân và một số nguồn khác để chi trả lợi tức cho ông Th, bà M; còn bà Lê Thị S tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 11/9/2020 đã chấp nhận trả dần 50% số nợ gốc cho ông Th và bà M chứng tỏ số tiền của ông Th và bà M đã được ông C và bà S sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị S vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 11/9/2020 bà S khẳng định việc sử dụng số tiền trên là việc của Công ty V, bà S

không nắm rõ. Bà S khẳng định số tiền trên không sử dụng vào hợp tác giữa C vì giai đoạn đó chưa hoàn tất thủ tục mua bán. Nay ông Th và bà M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải thanh toán cho ông Th, bà M gốc và lãi là 610.028.400đ. Về phía cá nhân bà S có phần trách nhiệm vì là người làm chứng và ông Th và bà M vì tin tưởng bà S nên mới tham gia hợp đồng này. Về phía cá nhân bà S xin chịu trách nhiệm và đứng ra khắc phục cho ông Th và bà M theo khả năng hiện tại của bà với phương án khắc phục dần hàng tháng và tỷ lệ khắc phục của bà S với số tiền gốc 50%. Bà S xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Bắt đầu từ năm 2021.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của đại diện theo ủy quyền Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và bà Lê Thị S thì thấy: Ngày 30/07/2018 Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và ông Nguyễn Thế Th và vợ là bà Trần Thị M đã ký kết Hợp đồng góp vốn, nhưng thực chất đây là quan hệ “vay tài sản”. Theo đó ông Nguyễn Thế Th và vợ là bà Trần Thị M cho Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V vay 500.000.000đ và ngày 31/7/2018 Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Thời hạn của hợp đồng từ ngày 31/7/2018 đến 30/7/2019. Lãi suất là 2,5%/tháng. Kể từ khi vay tiền đến nay, Công ty Việt Đức chỉ thanh toán cho ông Th, bà M 50.000.000đ tiền lãi, tiền gốc chưa trả. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc. Cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đ là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ 31 tháng 7 năm 2018 đến 30 tháng 7 năm 2019 theo mức lãi suất 1.6%/tháng trên số nợ gốc là 96.000.000đ. Do bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 50.000.000đ, nên bị đơn phải thanh toán số tiền lãi còn lại là 46.000.000đ. HĐXX xét thấy theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng quy định “Bên A phân chia lợi nhuận cho bên B với tỷ lệ 2,5%/tháng. Tuy nhiên, bản chất hợp đồng này là hợp đồng vay tài sản, nên việc điều chỉnh lãi của hợp đồng cũng phải phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Việc nguyên đơn thay đổi mức lãi suất từ 2,5%/tháng còn 1,6%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số nợ gốc 500.000.000đ thời điểm từ 31/7/2018 đến 30/7/2019 là 46.000.000đ là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 54.000.000đ là tự nguyện, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu tính số tiền lãi từ ngày 01/8/2019 đến ngày 22/9/2020 (418 ngày), Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V còn phải thanh toán cho ông Th, bà M số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: $546.000.000đ \times 418 \times 0.0274\% = 62.534.472đ$, HĐXX thấy yêu cầu này có căn cứ, phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

- Xét ý kiến của đại diện theo ủy quyền bị đơn thì thấy: Vào ngày 30/7/2018 Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M xác lập Hợp đồng góp vốn kinh doanh. Tại thời điểm ký kết ông Hoàng Xuân C là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V. Hợp đồng có ký tên ông C chức danh Giám đốc và đóng dấu đỏ của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và Phiếu thu tiền của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V xuất ra cho ông Th, bà M. Qua kết quả xác minh do Phòng kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng tại thời điểm ký kết Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V chưa có sự thay đổi nào khác và ông Hoàng Xuân C là người đại diện theo pháp luật, chức vụ Giám đốc. Do đó, việc Công ty ký kết và nhận tiền của ông Th, bà M là được thực hiện với tư cách pháp nhân chứ không phải cá nhân ông C. Mục đích Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V nhận tiền là để “Đầu tư và hợp tác kinh doanh hệ thống trường mầm non C” mà không phải đầu tư vào hệ thống trường của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V và nội bộ của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V. Việc đầu tư này phù hợp với ngành nghề kinh doanh “Giáo dục mầm non” mà Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V đã đăng ký với Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh ngày 08/3/2018. Đồng thời, tại các Hợp đồng chuyển nhượng và Biên bản Hội đồng thành viên do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cung cấp, tại ngày 05/9/2018, ông Hoàng Xuân C có thực hiện hai hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho bà Tường Thanh Hoài Ph nhận một phần vốn góp (11.900.000.000đ) và ông Mai Xuân T (18.000.000.000đ). Tại thời điểm này, bà Phương cũng nhận chuyển nhượng vốn góp khác của các thành viên trong Công ty nên là người có tỷ lệ vốn góp cao nhất giữ chức Giám đốc Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V từ ngày 10/9/2018. Ông Mai Xuân T tại thời điểm đó chỉ nhận 50% vốn góp của ông C chứ không phải nhận toàn bộ vốn góp và ông C vẫn còn là thành viên góp vốn thời điểm nói trên. Sau khi ông C chuyển nhượng vốn góp cho bà Phương, thì đến ngày 01/7/2019, bà Phương tiếp tục chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của mình cho ông Trần Công Lợi (41.900.000.000đ) – là người đại diện theo pháp luật hiện nay của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V. Các lần chuyển nhượng đều thể hiện bằng Hợp đồng chuyển nhượng, Biên bản họp thành viên và có chữ ký đầy đủ của ông C, ông Tú, bà Phương và ông Lợi. Như vậy, việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V không làm thay đổi bản chất của nội dung vụ án là vào ngày 31/7/2018 Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V có vay của ông Th, bà M 500.000.000đ thông qua hợp đồng góp vốn kinh doanh. Vì vậy, Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc và lãi cho ông Th và bà M khi đến hạn thanh toán. Việc ông C đã viết Giấy cam kết chuyển nhượng việc điều hành trường mầm non Việt Đức cho ông Mai Xuân T và ông C cam kết rằng trong thời gian ông làm giám đốc của Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V ông C có vay của ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng số tiền 558.000.000 đồng và ngân hàng Tiên Phong chi nhánh Bắc Đà Nẵng số tiền 1.000.000.000 đồng để mua 03 xe ô tô, không có nghĩa là ngoài khoản nợ này Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V không có vay của ông Th và bà M.

Đối với ý kiến của bà Lê Thị S đồng ý trả dần từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ bắt đầu từ năm 2021 đối với 50% số nợ gốc mà Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V nợ ông Th, bà M nhưng ông Th, bà M không đồng ý nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cần áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 54.000.000đ.

- Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 608.534.472đ. Trong đó: nợ gốc là 500.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/9/2020 là 108.534.472đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2018/HĐGVĐT-VĐ ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng Hợp tác được quy định tại Điều 504 của Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy: Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, trong trường hợp này, giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ thỏa thuận về lợi nhuận mà nguyên đơn được hưởng, còn phần trách nhiệm về rủi ro nguyên đơn không phải chịu nên HĐXX không thông nhất quan điểm này của đại diện Viện kiểm sát.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền $608.534.472đ = (20.000.000đ \times 4\% + 208.534.472đ) = 28.341.378đ$.

Hoàn tạm ứng án phí cho ông Th, bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 180, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M đối với Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V

Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 54.000.000đ.

- Buộc Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải trả cho ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M số tiền là 608.534.472đ (Sáu trăm lẻ tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm

triệu đồng), nợ lãi tính đến 22/9/2020 là 108.534.472đ (Một trăm lẻ tám triệu, năm trăm ba tư nghìn, bốn trăm bảy hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 28.341.378đ Công ty TNHH Phát Triển Dự Án V phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thế Th và bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí 14.200.568đ đã nộp tại Chi cục thi hành dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 8554 ngày 10/10/2019.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Hồng Loan

